

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**  
**ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 17 - 18**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số: 535/QĐ-CĐCD ngày 16 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường CĐCD Hậu Giang)

**Tên ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp.**

**Mã ngành, nghề: 5340302**

**Trình độ đào tạo: Trung cấp**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS trở lên**

**Thời gian đào tạo: 2 năm**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại, dịch vụ có trình độ trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành công việc kế toán trong lĩnh vực kế toán tổng hợp, kế toán bán hàng, kế toán công nợ, tiền lương và khai báo thuế...; có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc nhóm; có khả năng sáng tạo; ứng dụng kỹ thuật, công nghệ phần mềm vào công việc; giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong hiện đại, có sức khoẻ tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong hiện đại, có sức khoẻ tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá.

##### **1.2.1. Kiến thức:**

- Trình bày được các chuẩn mực kế toán;
- Mô tả được các chế độ kế toán;
- Trình bày được hệ thống văn bản pháp luật về thuế;
- Xác định được vị trí, vai trò của kế toán trong ngành kinh tế;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp;
- Vận dụng các văn bản liên quan đến ngành kinh tế;
- Trình bày được tên các loại chứng từ kế toán được sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp lập chứng từ kế toán;

- Trình bày được phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Trình bày được phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán;
- Trình bày được phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán;
- Trình bày được các phương pháp kê khai thuế, báo cáo ấn chỉ; phương pháp lập báo cáo tài chính;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Kỹ năng:**

- Thiết lập được mối quan hệ tốt với ngân hàng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Báo cáo với lãnh đạo, đề xuất các giải pháp kinh tế, tài chính cho đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo 1 đến 2 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề

### **1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp

## **1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kế toán vốn bằng tiền;
- Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán;
- Kế toán tài sản cố định;
- Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng;
- Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương;
- Kế toán chi phí tính giá thành; - Kế toán tổng hợp

#### 1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

#### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 71 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung 255 giờ.

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.485 giờ.

- Khối lượng lý thuyết: 468 giờ; Thực hành, thực tập: 1.208 giờ, kiểm tra: 64 giờ.

#### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1406	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>59</b>	<b>1.485</b>	<b>374</b>	<b>1.059</b>	<b>52</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>17</b>	<b>345</b>	<b>164</b>	<b>165</b>	<b>16</b>
CS43201	Soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
CS43202	Luật kinh tế	2	30	29	0	1
CS43303	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
CS43204	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	45	15	28	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN43205	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	28	2
CS43212	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
CS43413	Nguyên lý kế toán	4	75	45	26	4
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>42</b>	<b>1.140</b>	<b>210</b>	<b>894</b>	<b>36</b>
CN43314	Thuế nhà nước	3	60	30	28	2
CN43415	Tài chính doanh nghiệp	4	90	30	56	4
CN43416	Kế toán doanh nghiệp 1	4	90	30	56	4
CN43417	Kế toán doanh nghiệp 2	4	90	30	56	4
CN43208	Tin học kế toán	2	60		58	2
CN43319	Kế toán quản trị	3	60	30	27	3
CN43207	Kiểm toán	2	45	15	28	2
CN43521	Thực hành kế toán	5	150		145	5
CN43405	Kế toán trên máy	4	120		116	4
CN43523	Thực hành khai báo thuế	5	105	45	55	5
TN43624	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>71</b>	<b>1.740</b>	<b>468</b>	<b>1.208</b>	<b>64</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 19**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 575/QĐ-CĐCĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)

Tên ngành, nghề: Kế toán doanh nghiệp.

Mã ngành, nghề: 5340302

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>11</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1307	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>59</b>	<b>1.485</b>	<b>374</b>	<b>1.059</b>	<b>52</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>17</b>	<b>345</b>	<b>164</b>	<b>165</b>	<b>16</b>
CS43201	Soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
CS43202	Luật kinh tế	2	30	29	0	1
CS43303	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
CS43204	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	45	15	28	2
CN43205	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	28	2
CS43212	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
CS43413	Nguyên lý kế toán	4	75	45	26	4
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>42</b>	<b>1.140</b>	<b>210</b>	<b>894</b>	<b>36</b>
CN43314	Thuế nhà nước	3	60	30	28	2
CN43415	Tài chính doanh nghiệp	4	90	30	56	4
CN43416	Kế toán doanh nghiệp 1	4	90	30	56	4
CN43417	Kế toán doanh nghiệp 2	4	90	30	56	4

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN43208	Tin học kế toán	2	60		58	2
CN43319	Kế toán quản trị	3	60	30	27	3
CN43207	Kiểm toán	2	45	15	28	2
CN43521	Thực hành kế toán	5	150		145	5
CN43405	Kế toán trên máy	4	120		116	4
CN43523	Thực hành khai báo thuế	5	105	45	55	5
TN43624	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>70</b>	<b>1.740</b>	<b>468</b>	<b>1.208</b>	<b>64</b>